

Số: 637/2025/QĐST-HNGĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 29; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số: 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Dân sự thụ lý số: 642/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Lý Văn T, sinh ngày 21/01/1976

CCCD số 051076000580 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 05/11/2022.

Địa chỉ: Phòng D12A07 Chung cư S, Số 5B đường P, phường S, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Trần Thị Tú A, sinh ngày 20/11/1973

CCCD số 082173000580 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 09/11/2022.

Địa chỉ: Phòng D12A07 Chung cư S, Số 5B đường P, phường S, Thành Phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 28; Quyền số: 01 do UBND phường N, huyện H, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 20/02/2003 (nay là xã H, tỉnh Lâm Đồng) thì ông Lý Văn T và bà Trần Thị Tú A là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 1 con chung tên Lý Chí T1, sinh năm 2004, đã thành niên.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

[3] Về lệ phí: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân và Gia đình là 300.000đ do ông T và bà A chịu.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lý Văn T và bà Trần Thị Tú A.

b/ Về con chung: Có 1 con chung tên Lý Chí T1, sinh năm 2004, đã thành niên.

c/ Về tài sản chung: Ông Lý Văn T và bà Trần Thị Tú A tự thỏa thuận giải quyết.

d/ Về nợ chung: Không có.

đ/ Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Về lệ phí: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Lý Văn T và bà Trần Thị Tú chịu, được căn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Lý Văn T và bà Trần Thị Tú A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0036613 ngày 10/11/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
 - VKSND khu vực 4 - Tp.Hồ Chí Minh;
 - Thi hành án Dân sự Tp.Hồ Chí Minh;
 - UBND X.H.T.Lâm Đồng (để ghi vào sổ hộ tịch)
- Giấy CNKH số: 28; Quyền số: 01 ngày 20/02/2003;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mai Hương